

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2024/HC-PT

Ngày: 24/9/2024

V/v “*Kiến quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phạm Ngọc Thái

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Cường

Bà Trần Thị Kim Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**
Ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 196/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2024/HC-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1827/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông **Vũ Viết T**, sinh năm 1960; địa chỉ: **Thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**.

2. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1954; địa chỉ: **Xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà **Đinh Thị Thu T2**; địa chỉ: **Số H Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư **Lê Xuân Anh P**, Công ty **L** và Cộng sự, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Đ**. Địa chỉ: **Số H Đ**, phường **T**, thành phố **B**, tỉnh **Đắk Lắk**, có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh **Đ**.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **Đ**.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **H'Yim K** - Phó Chủ tịch, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông **Trần Văn S** – Phó Giám đốc **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông **Nguyễn Anh T3** – Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính, **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ**, vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện **C**, tỉnh **Đắk Lắk**.
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện **C**, tỉnh **Đắk Lắk**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Phú H** - Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Lê Phước T4** – Trưởng phòng **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C**, tỉnh **Đắk Lắk**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện C**; địa chỉ: **Xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Duy H1** - Nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện bà **Đinh Thị Thu T2** trình bày:*

Hai gia đình người khởi kiện là chủ sử dụng đất dưới hành lang an toàn điện lưới của Dự án: “Trạm biến áp 110kv **K** và đầu nối”.

Ngày 06/9/2021, Ủy ban nhân dân huyện **C** ban hành Quyết định hành chính số 1475/QĐ-UBND về việc phê duyệt “Phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của các hộ gia đình và cá nhân để thực hiện Dự án: Trạm biến áp 110kv **Krông Bông** và đầu nối (Đoạn đi qua **huyện C**) - Đợt 5”.

Theo phương án đã được phê duyệt thì có hai vấn đề người khởi kiện không đồng ý:

- Một là, tổng diện tích đất trong hành lang an toàn điện lưới bị hạn chế sử dụng của 02 gia đình được xác định là 9.342,3m² nên chỉ được hỗ trợ việc hạn chế sử dụng đối với 9.342,3m² đất này. Tuy nhiên, trên thực tế, 03 đường dây dẫn điện của công trình chằng chịt, trải đều khắp diện tích 2,6 ha đất của 02 gia đình, làm cho các phần diện tích đất khác, tuy không nằm dưới hành lang an toàn điện lưới nhưng khoảng không còn lại rất hẹp, không thể trồng cây cao, tán lớn được. Do đó, phần diện tích bị hạn chế sử dụng của 02 hộ gia đình trên thực tế lớn hơn diện tích 9.342,3m² được hỗ trợ rất nhiều.

- Hai là, về giá đất làm cơ sở đề hỗ trợ. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C căn cứ vào Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh D “về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Trạm biến áp 110kV K – Đầu nối và Dự án Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Krông Ana thuộc địa bàn huyện C” để áp giá hỗ trợ về đất cho 02 gia đình là không hợp lý. Bởi lẽ, Quyết định nêu trên ban hành vào năm 2019, sau 03 năm giá đất trên thị trường có nhiều biến động, theo chiều hướng tăng đột biến. Đặc biệt trong năm 2021. Do đó, việc lấy giá đất của 03 năm trước để làm cơ sở áp giá cho thời điểm năm 2021 là không phù hợp. Trong khi đó, nguyên nhân chậm trễ triển khai hoàn thiện dự án trước hết thuộc về cơ quan chức năng có liên quan chứ không phải lỗi của 02 hộ gia đình. Giá đất hỗ trợ được áp cho 02 hộ gia đình so với giá đất thực tế cùng loại tại địa phương trên thị trường chuyển nhượng vào thời điểm năm 2021 là thấp hơn rất nhiều.

Do mức bồi thường, hỗ trợ cho 02 hộ gia đình theo phương án đã được phê duyệt không thỏa đáng nên đã có đơn kiến nghị, phản ánh đến UBND huyện C để được xem xét, giải quyết.

Ngày 14/12/2021, ông Lê Phú H - Phó Chủ tịch UBND huyện C tổ chức và chủ trì buổi làm việc với 03 hộ dân. Gồm: Vũ Viết T, Vũ Tiến D, Nguyễn Thị Tuyết . Tại buổi làm việc, ông Lê Phú H – đại diện UBND UBND huyện C ghi nhận các ý kiến của các hộ dân phản ánh những vấn đề liên quan đến tính bất hợp lý của phương án bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện Dự án: “Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Krông Ana (C)”.

Sau đó, ngày 14/01/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C có Giấy mời số 09/GM-TTPTQĐ đề ngày 13/01/2022 mời 03 hộ dân làm việc để phổ biến các quy định của pháp luật, ghi nhận ý kiến của các hộ và truyền đạt nội dung nội dung Thông báo số 413/TB-UBND ngày 17/12/2021.

Tuy nhiên, sau đó Trung tâm phát triển quỹ đất, **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C** vẫn không có bất kỳ động thái gì về việc triển khai Thông báo số 413/TB-UBND ngày 17/12/2021. Do đó, quyền và lợi ích hợp pháp của 03 hộ gia đình vẫn chưa được pháp luật bảo vệ.

Sau đó, 02 hộ gia đình người khởi kiện tiếp tục nhiều lần có đơn phản ánh, kiến nghị nhưng vẫn không được giải quyết.

Ngày 05/8/2022, **UBND huyện C** ban hành Tờ trình số 160/TTr-UBND trình **UBND tỉnh Đ** theo đó **UBND huyện C** nhận định “xét thấy kiến nghị của 02 hộ gia đình là thực tế cần được cấp thẩm quyền là UBND tỉnh xem xét (trường hợp đặc biệt khi trên thửa đất có 03 tuyến điện cao thế chạy ngang qua), ngày 05/8/2022 UBND huyện ban hành Tờ trình số 160/TTr-UBND gửi **UBND tỉnh Đ** để xin chủ trương hỗ trợ cho hộ ông **Vũ Viết T** và hộ bà **Nguyễn Thị T1** đối với toàn bộ diện tích các thửa đất có đường dây điện đi qua với mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá tại thời điểm hiện nay.”

Nhận thấy, trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án: Trạm biến áp 110kv Không Bông và đầu nối (Đoạn đi qua **huyện C**) - Đợt 5” cho 02 gia đình thuộc trách nhiệm của UBND huyện, còn Trung tâm phát triển quỹ đất và **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C** chỉ là cơ quan cấp dưới được giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền triển khai thực hiện. Vì vậy, ngày 11/9/2022 người khởi kiện có đơn khiếu nại Quyết định hành chính số 1475/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của **UBND huyện C** về việc phê duyệt “Phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của các hộ gia đình và cá nhân để thực hiện Dự án: Trạm biến áp 110kv Không Bông và đầu nối (Đoạn đi qua **huyện C**) - Đợt 5”.

Quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu, **Ủy ban nhân dân huyện C** đã ban hành Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022. Theo đó, không chấp nhận nội dung khiếu nại của người khởi kiện.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 27/12/2022, người khởi kiện tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh Đ** để được xem xét, giải quyết khiếu nại lần hai.

Ngày 13/7/2023, **UBND tỉnh Đ** ra Quyết định số 1304/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của hộ ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị T1**; cư trú tại **thôn K, xã D**. Về vấn đề diện tích ảnh hưởng, tổng diện tích đất trong hành lang an toàn điện lưới bị hạn chế sử dụng của 02 gia đình được xác định là 9.342,3m² nên chỉ được hỗ trợ việc hạn chế sử dụng đối với 9.342,3m² đất này. Tuy nhiên, trên thực tế, 03 đường dây dẫn điện của công trình chằng chịt, trải đều khắp diện tích 2,6 ha đất

của 02 hộ gia đình, làm cho các phần diện tích đất khác, tuy không nằm dưới hành lang an toàn điện lưới nhưng khoảng không còn lại rất hẹp, không thể trồng cây cao, tán lớn được. Do đó, phần diện tích bị hạn chế sử dụng của 02 hộ gia đình trên thực tế lớn hơn diện tích 9.342,3m² được hỗ trợ rất nhiều.

Thửa đất của gia đình tiếp giáp với mặt đường tỉnh lộ 10 là 100m, chiều sâu các thửa đất dài đến 256m. Dự án có 03 đường dây điện đi dọc theo chiều dài thửa đất gây ảnh hưởng lớn đối với phần diện tích đất của hộ gia đình, làm giảm đi giá trị của thửa đất, gia đình không thể canh tác, sinh sống, làm việc trong phần diện tích đất trên như trước đây, có khả năng gây ảnh hưởng đến sức khỏe, khả năng canh tác, không đảm bảo an toàn về sức khỏe, tính mạng. (có hình ảnh thực tế đường dây điện qua các thửa đất gửi kèm theo), mặt khác hành lang lưới điện đi qua phần đất của gia đình chiếm diện tích 0,93ha/9ha toàn bộ dự án (chiếm khoảng 10,3 % tổng diện tích đất hành lang của dự án).

Đối với trường hợp này, cán bộ công chức tại địa phương cũng nhìn thấy thiệt hại thực tế của 02 hộ gia đình nên đã có Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện C, nhưng vẫn không bảo vệ được quyền lợi của những người dân cư trú, lâu năm tại địa phương.

Nay người khởi kiện có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Đ về việc “*Phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trạm biến áp 110kv K – Đấu nối và dự án đấu nối 110 KV sau TBA 220 KV Krông Ana thuộc địa bàn huyện C*”. Phần liên quan đến việc xác định giá đất đối với thửa đất số 07, 09, 12, 20, 21, tờ trích đo địa chính số 5-201, tọa lạc tại thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và với thửa đất số 13, 15, 16, tờ trích đo địa chính số 5-2019 thuộc quyền sử dụng của hai hộ gia đình là hộ gia đình ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị Tuyết .

- Tuyên hủy một phần Quyết định hành chính số 1475/QĐ-UBND “*phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của các hộ gia đình và cá nhân để thực hiện Dự án: Trạm biến áp 110kv Krông Bông và đấu nối (Đoạn đi qua huyện C) - Đợt 5*”. Phần liên quan đến nội dung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 02 hộ gia đình là hộ gia đình ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị Tuyết .

- Tuyên hủy Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị Tuyết cư t tại thôn K, xã D, huyện C (lần đầu)”.

- Tuyên hủy Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị Tuyết** cư t tại **thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk** (lần hai)".

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân và Chủ tịch UBND huyện C trình bày:

Quá trình triển khai thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu nối Trạm biến áp 110kV sau TBA 220kV Không Ana - **C** được Trung tâm phát triển quỹ đất huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện như sau:

Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện C** và **Ban Q** đã ký kết Hợp đồng số 01/2019/HĐKT-BTGPMB ngày 26/01/2019 về việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Công trình Đầu nối 110kV sau TBA 220kV **K (C)**.

Trên cơ sở kết quả tham mưu của Phòng Tài nguyên và Môi trường ngày 24/7/2019 UBND **huyện C** ban hành Kế hoạch số 2578/KH-UBND “*Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án: Đầu nối 110kV sau TBA 220kV K (C)*”. Thời gian thực hiện từ lúc triển khai đến khi kết thúc. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện đã phối hợp với các cơ quan đơn vị tiến hành niêm yết công khai Kế hoạch số 2578/KH-UBND ngày 24/7/2019 của UBND huyện theo quy định.

Ngày 22/8/2019, UBND huyện ban hành các Thông báo thu hồi đất để xây dựng móng trụ (*trong đó có Thông báo thu hồi đất số 196/TB-UBND thu hồi 46,3m² đất của hộ bà Nguyễn Thị T1 để làm trụ điện*).

Ngày 22/8/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện ban hành Giấy mời để mời các hộ có liên quan đến việc triển khai dự án, trong đó có mời hộ ông **Vũ Viết T** và hộ bà **Nguyễn Thị Tuyết**. Tại buổi làm việc ngày 26/8/2019 ông **T** có ý kiến là không đồng ý cho đường điện đi qua, bà **T1** có ý kiến là trên thửa đất có 02 đường điện đi qua đề nghị Nhà nước xem xét hỗ trợ thêm, cả 02 hộ không ký biên bản làm việc.

Ngày 28/8/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện ban hành Thông báo số 11/TB-TTPTQĐ về việc tổ chức kiểm đếm và đánh giá chất lượng tài sản phục vụ công tác lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án với thời gian kiểm đếm là từ ngày 09/9/2019 đến 10/9/2019 (*hộ ông **Vũ Viết T**, bà **Nguyễn Thị T1** không có mặt tại thực địa để làm việc*).

-Ngày 07/11/2019, Tổ vận động theo Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND **xã D** cùng Trung tâm phát triển quỹ đất huyện và Ban Quản

lý dự án lưới điện miền T5 xuống tại nhà ông Vũ Viết T để tiến hành vận động, thuyết phục gia đình phối hợp trong công tác kiểm kê. Quá trình vận động 02 hộ gia đình ông T, bà T1 không đồng ý mà đề nghị Nhà nước mua hết toàn bộ diện tích thửa đất theo sự thỏa thuận.

Ngày 02/3/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện tiếp tục ban hành Thông báo số 10/TB-TTPTQĐ về việc kiểm kê tài sản gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng khi thực hiện Dự án, thời gian kiểm kê vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 03/3/2020 nhưng 02 hộ không đến làm việc.

Ngày 03/6/2020, UBND xã D ban hành Giấy mời số 40/GM-UBND về việc vận động các hộ gia đình chưa phối hợp kiểm kê để có cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Vũ Viết T và hộ bà Nguyễn Thị T1, tuy nhiên các hộ gia đình vắng mặt.

Ngày 09/3/2021, UBND huyện ban hành Quyết định số 431/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và Quyết định số 440/QĐ-UBND, Quyết định số 442/QĐ-UBND về việc Cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Vũ Viết T, hộ bà Nguyễn Thị Tuyết. UBND xã D đã cùng với các cơ quan, đơn vị tổ chức bàn giao các Quyết định nêu trên cho các hộ (*đối với ông Vũ Viết T đoàn đã xuống nhà 02 lần đều đi vắng; bà Nguyễn Thị T1 từ chối nhận*); đồng thời UBND xã D gửi các quyết định trên qua đường Bưu điện; ngày 11/3/2021 UBND xã D cùng với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện cùng với các cơ quan, đơn vị tổ chức niêm yết công khai các quyết định cưỡng đếm bắt buộc.

Ngày 06/4/2021, Ban Cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc ban hành Thông báo số 01/TB-BCC, Thông báo số 02/TB-BCC về việc vận động, đối thoại tại nhà đối với hộ ông Vũ Viết T, hộ bà Nguyễn Thị Tuyết. Đến ngày 12/4/2021, Ban Cưỡng chế đã tổ chức làm việc, tuy nhiên các hộ vẫn không thống nhất việc kéo đường dây điện đi qua diện tích đất của gia đình.

Ngày 18/5/2021, Ban Cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc ban hành Kế hoạch số 56/KH-BCC về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Vũ Viết T, hộ bà Nguyễn Thị T1 để thực hiện dự án; ngày 24/5/2021, Ban Cưỡng chế ban hành Thông báo số 04/TB-BCC và 05/TB-BCC để tổ chức cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Vũ Viết T và hộ bà Nguyễn Thị Tuyết. Ngày 28/5/2021, Ban Cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đã phối hợp với các đoàn thể, chính quyền địa phương, các cơ quan đơn vị tiến hành

kiểm đếm tài sản bị ảnh hưởng (có Biên bản thực hiện việc kiểm đếm bắt buộc kèm theo).

Ngày 16/6/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện đã lập Phương án về việc bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng khi thực hiện Dự án và gửi giấy mời để công khai phương án, tuy nhiên các hộ vẫn từ chối nhận giấy mời. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện đã tiến hành niêm yết Phương án dự thảo tại Hội trường BTQ **thôn K** và **UBND xã D** từ ngày 18/6/2021 đến ngày 09/8/2021. Cho đến nay hộ ông **Vũ Viết T**, hộ bà **Nguyễn Thị T1** vẫn chưa nhận tiền đã được phê duyệt; do đó, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện đã chuyển số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ ông **Vũ Viết T**, hộ bà **Nguyễn Thị T1** vào tài khoản tạm treo tại **K huyện C**.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện cùng với các cơ quan, đơn vị căn cứ Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ; Điều 11 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định về hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không; Điều 10 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của **UBND tỉnh Đ** quy định về bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ; Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của **UBND tỉnh Đ** về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đấu nối 110kV sau TBA 220 **kV K** thuộc địa bàn **huyện C**.

Căn cứ vào diện tích đất theo trích lục địa chính của từng thửa đất do **Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ** thực hiện; tổng diện tích đất của hộ ông **Vũ Viết T** bị ảnh hưởng hạn chế sử dụng do đường dây điện đi qua là 4.967,9m² (bao gồm 05 thửa đất, trong đó có 02 thửa giáp tỉnh lộ 10 là 1.981,4m² và 03 thửa giáp đường đất ở phía trong là 2.986,5m²); tổng diện tích đất của hộ bà **Nguyễn Thị T1** bị ảnh hưởng hạn chế sử dụng do đường dây điện đi qua là 4.374,8m² (bao gồm 03 thửa đất nằm giữa và tiếp giáp với các thửa đất của ông **T**).

Căn cứ vào Mục B, Phụ lục hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đấu nối 110kV sau TBA 220 **kV K** thuộc địa bàn **huyện C** kèm theo Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của **UBND tỉnh Đ**, thì: Đối với 02 thửa đất của hộ ông **Vũ Viết T** tiếp giáp với Tỉnh lộ 10 áp dụng đơn giá là 169.000 đồng/01m², các diện tích đất còn lại không tiếp giáp với Tỉnh lộ 10 thì áp dụng đơn giá là 149.000 đồng/01m².

Căn cứ vào khoản 2 Điều 19 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 10 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ thì diện tích đất trồng cây lâu năm của hộ ông Vũ Viết T và hộ bà Nguyễn Thị T1 trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không, thì được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất 01 lần, với mức hỗ trợ là 30% đơn giá bồi thường về đất trồng cây lâu năm.

- Tổng số tiền được hỗ trợ do hạn chế sử dụng:

+ Hộ ông Vũ Viết T: $(1.981,4\text{m}^2 \times 169.000 \text{ đồng} \times 30\%) + (2.986,5 \text{ m}^2 \times 149.000 \text{ đồng} \times 30\%) = 233.953.530 \text{ đồng}$.

+ Hộ bà Nguyễn Thị T1: $(4.374,8\text{m}^2 \times 149.000 \text{ đồng} \times 30\%) = 195.553.560 \text{ đồng}$.

Việc lập, thẩm định và phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND huyện thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; UBND huyện đã căn cứ vào các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh Đ, kết quả trích đo địa chính của từng thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ lập, kết quả kiểm đếm thực tế cũng như nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân...

- Về diện tích đất bị ảnh hưởng: Căn cứ vào diện tích đất theo trích lục địa chính của từng thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thực hiện, tổng diện tích đất bị ảnh hưởng hạn chế sử dụng do đường dây điện đi qua của 02 hộ đã lập phương án hỗ trợ là $9.342,7\text{m}^2$ (trong đó: hộ ông Vũ Viết T tổng diện tích đất bị ảnh hưởng hạn chế sử dụng là $4.967,9\text{m}^2$; hộ bà Nguyễn Thị Tuyết t1 diện tích đất bị ảnh hưởng hạn chế sử dụng là $4.374,8\text{m}^2$). Việc xác định diện tích đất bị ảnh hưởng nêu trên đúng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định về hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không.

Qua kiểm tra thực tế cho thấy: Trên các thửa đất của hộ ông Vũ Viết T và hộ bà Nguyễn Thị T1 có 03 đường điện 110kV kéo dọc theo các thửa đất; mỗi tuyến đường điện có 04 đường dây dẫn điện, như vậy trên các thửa đất có 12 đường dây dẫn điện kéo qua trên toàn bộ diện tích đất (với mặt tiền giáp Tỉnh lộ 10 là 100m), hiện tại các đường dây điện kéo qua có độ võng lớn, nhìn vào mắt thường thì trên diện tích đất của hộ ông Vũ Viết T và hộ bà Nguyễn Thị T1 có nhiều đường dây điện chạy trên không, làm ảnh hưởng đến tâm lý của người sử dụng đất. Hiện nay, theo các văn bản quy định của pháp luật về đất đai, về an toàn điện, về đền bù hỗ trợ,...thì chưa có một văn bản nào quy định về ảnh hưởng của nhiều đường dây dẫn điện đi qua trên cùng một thửa đất; do đó, không có cơ sở đánh giá, kết luận được phần diện tích ngoài hành lang an toàn lưới điện có bị ảnh hưởng hay không.

Qua nhiều lần làm việc với 02 hộ ông T, bà T1 không có sơ sở pháp lý để giải quyết.

Ngày 30/11/2022, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 4123/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1, cư trú tại thôn K, xã D, huyện C (lần đầu). Theo đó, có nội dung: Không chấp nhận nội dung khiếu nại của hộ ông Vũ Viết T và hộ bà Nguyễn Thị T1, giữ nguyên Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện C, hộ ông Vũ Viết T và hộ bà Nguyễn Thị T1 có đơn khiếu nại đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết khiếu nại lần hai với Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện.

Ngày 13/7/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1304/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1, cư trú tại thôn K, xã D, huyện C (lần hai). Giữ nguyên nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 4123/QĐ-UBND ngày 31/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:

Theo kết quả thẩm tra, xác minh việc lập thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể và phê duyệt phương án bồi thường đối với phần diện tích đất thu hồi của hộ ông Vũ Viết T và hộ bà Nguyễn Thị T1 cho thấy:

Việc ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 đề nghị Nhà nước xem xét hỗ trợ hạn chế khả năng sử dụng đối với phần diện tích đất còn lại ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Bởi vì, Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ. Căn cứ quy định theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định về hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không và Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ quy định về bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ không quy định việc bồi thường, hỗ trợ đối với việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất trồng cây lâu năm nằm ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không.

Việc ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 đề nghị Nhà nước xem xét áp giá hỗ trợ về đất cho 02 hộ gia đình tại thời điểm hiện tại là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Bởi vì:

Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu nối 110kV sau TBA 220 kV K thuộc địa bàn huyện C được áp dụng một lần đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng trong cùng dự án.

Việc Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ giá đất tại Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Đ để xác định giá hỗ trợ về đất cho hộ ông Vũ Viết T và hộ bà Nguyễn Thị T1 là đúng quy định của pháp luật; tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện C, ban hành Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của các hộ gia đình và cá nhân để thực hiện Dự án: Trạm biến áp 110kv Không Bông và đầu nối (Đoạn đi qua huyện C) - Đợt 5”. Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đang có hiệu lực thi hành và chưa có văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

Việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 (sau 02 năm kể từ khi Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019) là do hộ ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 không đồng thuận với việc triển khai dự án cũng như không phối hợp với cơ quan nhà nước trong việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm các cơ quan, đơn vị liên quan phải tổ chức tuyên truyền vận động thuyết phục nhiều lần cũng như phải thực hiện các trình tự, thủ tục tổ chức cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc, dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thiện, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ.

Như vậy, việc UBND huyện C ban hành Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cho tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng khi thực hiện Dự án: Đầu nối 110kV sau TBA 220kV K (C) - Đợt 5 đối với ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 (lần đầu) là đúng quy định pháp luật.

Từ những căn cứ trên, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 (lần hai) theo đó không chấp nhận nội dung đơn của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1, khiếu nại Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 (lần đầu) là đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị T1**, giữ nguyên Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị T1** (lần hai). Giữ nguyên Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Đ về việc “*Phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trạm biến áp 110kv K – Đấu nối và dự án đấu nối 110 KV sau TBA 220 KV Krông Ana thuộc địa bàn huyện C*”.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C, tỉnh Đắk Lắk trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C đã làm đúng trình tự thủ tục nhiệm vụ được giao để trình Ủy ban nhân dân huyện. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện thì Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C không đồng ý. Tại phiên tòa những người khởi kiện gồm ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị T1** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Những người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **T** và bà **Tuyết**.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2024/HC-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Áp dụng Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ. Áp dụng Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật Khiếu nại năm 2011.

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện gồm ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị Tuyết**.

Về những yêu cầu sau:

- Hủy một phần Quyết định hành chính số 1475/QĐ-UBND về việc “*phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của các hộ gia đình và cá nhân để thực hiện Dự án: Trạm biến áp 110kv Krông Bông và đấu nối (Đoạn đi qua huyện C) - Đợt 5*”. Phần liên quan đến nội dung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị Tuyết**.

- Hủy một phần Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Đ về việc “*Phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trạm biến áp 110kv K – Đầu nối và dự án đầu nối 110 KV sau TBA 220 KV Krông Ana thuộc địa bàn huyện C*”. Phần liên quan đến việc xác định giá đất đối với thửa đất số 07, 09, 12, 20, 21, tờ trích đo địa chính số 5-2019; tọa lạc tại thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; và với thửa đất số 13, 15, 16, tờ trích đo địa chính số 5-2019 thuộc quyền sử dụng của 02 hộ gia đình ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị Tuyết .

- Hủy Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của Chủ tịch UBND Huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị Tuyết cư t tại thôn K, xã D, huyện C (lần đầu)”.

- Hủy Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị Tuyết cư t tại thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (lần hai)”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 03/6/2024 người khởi kiện là ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 đều có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử đối với vụ án trên như vậy là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 không rút đơn khởi kiện; vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của người khởi kiện thì thấy;

[1.1] Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk phần liên quan đến nội dung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị Tuyết .

Người khởi kiện ông **Vũ Viết T**, bà **Nguyễn Thị T1** cho rằng diện tích đất được bồi thường, hỗ trợ ít hơn nhiều so với diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng mà không được hỗ trợ bồi thường, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hộ ông **Vũ Viết T** đang sử dụng với tổng diện tích là 14.962,5m² đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 7 có diện tích 2.830,3m² trong đó có 810,5m² trong hành lang bảo vệ lưới điện, thửa đất số 9 có diện tích 3.083,4m² trong đó có 878,4m² trong hành lang bảo vệ lưới điện, thửa đất số 12 có diện tích 4546,5m² trong đó có 1.297,6m² trong hành lang bảo vệ lưới điện, thửa đất số 20 có diện tích 3.740,2m² trong đó có 1643m² trong hành lang bảo vệ lưới điện và thửa đất số 21 có diện tích 762,1m² trong đó có 338,4m² trong hành lang bảo vệ lưới điện. Tờ trích đo số 5-2019 (DC6). Tổng số diện tích đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không của hộ ông **Vũ Viết T** là 4.967,9m² và 9.994,6m² đất ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không.

Hộ bà **Nguyễn Thị T1** đang sử dụng với tổng diện tích là 11.313,9m² đất trồng cây lâu năm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 13 có diện tích 6.074m² trong đó có 1.924,1m² trong hành lang bảo vệ lưới điện, thửa đất số 15 có diện tích 1.460m² trong đó có 962,4m² trong hành lang bảo vệ lưới điện và thửa đất số 16 có diện tích 3.779,9m² trong đó có 1.488,3m² trong hành lang bảo vệ lưới điện. Tờ trích đo số 5-2019 (DC6). Tổng số diện tích đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không của hộ bà **Nguyễn Thị T1** là 4.374,8m² và 6.939,1m² đất ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không.

Như vậy, tổng diện tích đất của hộ ông **Vũ Viết T** bị ảnh hưởng hạn chế sử dụng do đường dây điện đi qua là 4.967,9m² (bao gồm 05 thửa đất, trong đó có 02 thửa giáp tỉnh lộ 10 là 1.981,4m² và 03 thửa giáp đường đất ở phía trong là 2.986,5m²); tổng diện tích đất của hộ bà **Nguyễn Thị T1** bị ảnh hưởng hạn chế sử dụng do đường dây điện đi qua là 4.374,8m² (bao gồm 03 thửa đất nằm giữa và tiếp giáp với các thửa đất của ông **T**).

Căn cứ quy định tại Mục B, Phụ lục hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu nối 110kV sau TBA 220 kV K thuộc địa bàn huyện C kèm theo Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh D, thì thấy: 02 thửa đất nêu trên tiếp giáp với Tỉnh lộ 10 áp dụng đơn giá là 169.000 đồng/01m², các diện tích đất còn lại không tiếp giáp với Tỉnh lộ 10 thì áp dụng đơn giá là 149.000 đồng/01m².

Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 10 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày

10/11/2014 của UBND tỉnh Đ thi diện tích đất trồng cây lâu năm của hộ ông Vũ Viết T và hộ bà Nguyễn Thị T1 trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất 01 lần với mức hỗ trợ là 30% đơn giá bồi thường về đất trồng cây lâu năm. Như vậy người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Vũ Viết T, bà Nguyễn Thị T1 theo đúng diện tích đất bị ảnh hưởng.

Mặt khác về quy trình kỹ thuật đường đường điện đi qua, căn cứ theo quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định về hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không đúng theo quy định và không ảnh hưởng đến quá trình canh tác của 02 người khởi kiện trên. Nếu có sự cố trong trường hợp bất khả kháng và trở ngại khách quan khác, thì do Bộ luật Dân sự điều chỉnh nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Viết T, bà Nguyễn Thị Tuyết. Về yêu cầu: Hủy một phần Quyết định số 1475/QĐ-UBND “*phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của các hộ gia đình và cá nhân để thực hiện Dự án: Trạm biến áp 110kv Không Bông và đấu nối (Đoạn đi qua huyện C) - Đợt 5*”.

[1.2] Đối với yêu cầu của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 về việc hủy một phần Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Đ thì thấy:

Dự án Đấu nối 110kV sau TBA 220kV K- C, tỉnh Đắk Lắk được triển khai thực hiện từ tháng 7/2019. Để thực hiện việc bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Kế hoạch số 2578/KH-UBND ngày 24/7/2019 về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án: Đấu nối 110kV sau TBA 220kV Không A na (C).

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện đã căn cứ vào đơn giá do UBND tỉnh Đ quy định tại Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Đ để lập phương án trình các phòng chức năng thẩm định và đã được UBND huyện phê duyệt tại các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 13/12/2019, Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 26/3/2020, Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 và Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 28/12/2020) cho các hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức. Việc ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 đề nghị Nhà nước xem xét áp giá hỗ trợ về đất cho 02 hộ gia đình tại thời điểm hiện tại là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Bởi:

Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đấu nối 110kV sau TBA 220kV Không Ana thuộc địa bàn huyện C được áp dụng một lần đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng

trong cùng dự án. Việc Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ giá đất tại Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Đ để xác định giá hỗ trợ về đất cho hộ ông Vũ Viết T và hộ bà Nguyễn Thị T1 là đúng quy định của pháp luật; tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của các hộ gia đình và cá nhân để thực hiện Dự án: Trạm biến áp 110kv Krông Bông và đầu nối (Đoạn đi qua huyện C) - Đợt 5”. Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đang có hiệu lực thi hành và chưa có văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

Mặt khác, việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 (sau 02 năm kể từ khi Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019) là do hộ ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 không đồng thuận với việc triển khai dự án cũng như không phối hợp với cơ quan nhà nước trong việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm các cơ quan, đơn vị liên quan phải tổ chức tuyên truyền vận động thuyết phục nhiều lần cũng như phải thực hiện các trình tự, thủ tục tổ chức cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc, dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thiện, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ. Cũng có một phần lỗi của những người khởi kiện.

Do đó, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C đã áp dụng đơn giá theo Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Đ là đảm bảo đúng quy định. Vì vậy, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của người khởi kiện ông Vũ Viết T, bà Nguyễn Thị T1 là có căn cứ.

[1.3] Đối với yêu cầu của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 về việc hủy Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 (lần đầu). Tuyên hủy Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 (lần 02) thì thấy:

Sau khi nhiều lần nhận được đơn kiến nghị, phản ánh của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị Tuyết. Quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu, qua nhiều lần làm việc, tuyên truyền và vận động với 02 hộ ông T, bà T1, các hộ vẫn không thống nhất việc kéo đường dây điện đi qua diện tích đất của gia đình. Ngày 30/11/2022, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 4123/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị T1, cư trú tại thôn K, xã D, huyện C (lần đầu) với nội dung: Không chấp nhận nội dung khiếu nại của hộ ông Vũ Viết T và hộ bà Nguyễn Thị T1, giữ nguyên Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của

UBND huyện. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu ông **Vũ Viết T** và hộ bà **Nguyễn Thị T1** có đơn khiếu nại đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết khiếu nại lần hai.

Ngày 13/7/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1304/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị T1**, cư trú tại **thôn K, xã D, huyện C** (lần hai). Giữ nguyên nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 4123/QĐ-UBND ngày 31/11/2022 của Chủ tịch **UBND huyện C**. Xem xét hồ sơ giải quyết khiếu nại, Hội đồng xét xử thấy: Trước khi trả lời khiếu nại Chủ tịch **UBND tỉnh Đ** đã thành lập Đoàn xác minh khiếu nại, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ đối với nội dung khiếu nại của ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị Tuyết**. Qua kiểm tra xác minh đối chiếu với các quy định của pháp luật, xét thấy đơn khiếu nại của ông **T**, bà **T1** không có cơ sở để chấp nhận. Chủ tịch **UBND tỉnh Đ** ban hành Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông **Vũ Viết T**, bà **Nguyễn Thị T1** (lần 02) là đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết khiếu nại quy định tại Mục 3, khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

Xét về nội dung của các quyết định giải quyết khiếu nại thì thấy, như đã được phân tích nhận định tại các mục [1.1] và [1.2] trên, bản án sơ thẩm không chấp nhận về những yêu cầu khởi kiện của ông **T** và bà **T1**. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị T1** về yêu cầu: Hủy Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của Chủ tịch **UBND huyện C** về việc giải quyết khiếu nại của ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị Tuyết** cư t tại **thôn K, xã D, huyện C** (lần đầu). Hủy Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Chủ tịch **UBND tỉnh Đ** về việc giải quyết khiếu nại của ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị Tuyết** cư t tại **thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk** (lần hai)”).

[2] Từ những nhận định trên, xét thấy bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị T1** là đúng pháp luật. Tại phiên phúc thẩm, ông **T** và bà **T1** kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là đúng nên không có căn cứ để chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Do bác kháng cáo nên người khởi kiện ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị T1** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông **T** và bà **T1** đều là những người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị T1**, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2024/HC-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm cho ông **Vũ Viết T** và bà **Nguyễn Thị Tuyết**.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Thái

